

NGÂN HÀNG VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HOÁ VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

NGUYỄN ANH TUẤN^(*)

1. Quá trình toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế

Toàn cầu hoá kinh tế là đặc trưng cơ bản và là xu thế phát triển tất yếu của thời đại; thể hiện ở sự gia tăng về quy mô và hình thức trao đổi hàng hoá, dịch vụ, lưu chuyển vốn quốc tế, chuyển giao công nghệ giữa các quốc gia và khu vực; làm tăng thêm mức độ phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế thế giới. Quá trình hoạch định chính sách của mỗi quốc gia cũng có những thay đổi: các biện pháp điều tiết kinh tế vĩ mô không phải do Chính phủ tùy ý định đoạt dựa trên lợi ích quốc gia, mà phải được thiết lập và thực thi trên cơ sở bảo đảm lợi ích và mục tiêu của các quốc gia, dân tộc có liên quan. Hơn nữa, chính sách này cũng phải được thay đổi theo thời gian và tình hình thực tế trong và ngoài nước.

Trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, công nghệ hiện đại đã giúp các ngân hàng thương mại cũng như các định chế tài chính khác mở rộng quy mô và loại hình dịch vụ nhằm thực hiện việc phân bổ nguồn vốn. Việc cho vay qua hệ thống ngân hàng giảm đồng thời với phát triển cho vay trực tiếp qua thị trường chứng khoán. Trong đó, giao dịch qua mạng đã tiếp sức cho việc mở rộng phạm vi hoạt

động theo hướng quốc tế hoá và thống nhất các nguyên tắc giao dịch tiền tệ, nhất thể hoá hoạt động tài chính trên cơ sở phối hợp xây dựng các chính sách, cơ chế quản lý và giám sát hoạt động ngân hàng, hình thành liên minh tiền tệ quốc tế và khu vực. Việc mở rộng quy mô hoạt động cũng đòi hỏi phải mở rộng thị phần theo hướng sáp nhập để hình thành những định chế tài chính lớn, làm xuất hiện xu hướng mạnh mẽ về cạnh tranh toàn cầu giữa các ngân hàng thương mại. Trên toàn thế giới, hiệu quả kinh doanh giảm do kim ngạch giao dịch vốn lớn hơn so với nhu cầu vốn đầu tư và trao đổi thương mại thực tế, dẫn đến rủi ro và nguy cơ đổ vỡ ngân hàng và sự bất ổn định trên thị trường tài chính thế giới, các ngân hàng phụ thuộc nhiều hơn vào tài khoản dễ thanh khoản. Các nước đang phát triển đứng trước nguy cơ biến động mạnh của thị trường tài chính, nhất là dự trữ ngoại tệ và tài sản tài chính do nguyên nhân luồng tiết kiệm đầu tư chảy ra nước ngoài.

Trong bối cảnh đó, mỗi quốc gia phải thực hiện cải cách cùng với xây dựng một hệ thống quản lý tài chính và cơ chế phòng ngừa rủi ro tài chính quốc tế, công khai và minh bạch trong hoạt động ngân hàng, quy định chặt

^(*) ThS. Trường Đại học Ngoại thương.

chế hơn về nguyên tắc an toàn vốn. Chính sách tỷ giá phải được thay đổi bằng chính sách tỷ giá thả nổi để tuân theo quy luật cung cầu của thị trường. Chính vì những lý do này, các tổ chức tài chính quốc tế đã tăng cường các biện pháp giám sát và kiểm soát hoạt động trên thị trường tài chính với việc ngân hàng trung ương của 10 nước có nền kinh tế phát triển trên thế giới đã thành lập Ủy ban Basel 1975 nhằm đưa ra những nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng. Những nguyên tắc này được phát triển dựa trên thực tiễn biến động của thị trường và hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại chủ yếu tại các quốc gia đó, do vậy ngẫu nhiên trở thành những chuẩn mực trong quản trị điều hành đối với những ngân hàng lớn, có hoạt động quốc tế chiếm tỷ trọng cao.

2. Tác động của cam kết hội nhập đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam

Trong xu thế toàn cầu hoá mạnh mẽ, việc chủ động và sớm tham gia vào tiến trình toàn cầu hoá, thực hiện mở cửa nền kinh tế trở thành một đòi hỏi tất yếu đối với Việt Nam nếu muốn tồn tại và phát triển. Trong thời điểm hiện tại, đỉnh cao của toàn cầu hoá kinh tế là việc gia nhập và trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Trong quá trình đàm phán gia nhập WTO, Việt Nam phải ký kết hàng loạt hiệp định song phương và đa phương với hầu hết các nước thành viên WTO theo nguyên tắc cơ bản và lộ trình mở cửa được quy định trong Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS) trong khuôn khổ WTO như chế độ đối xử quốc gia (NT), quy chế tối huệ quốc (MFN), tính minh bạch của các chính sách liên quan đến hoạt động thương mại dịch vụ. Hiệp định thương mại Việt - Mỹ (VN-US

BTA) và Hiệp định khung về thương mại dịch vụ (AFAS) trong khuôn khổ ASEAN đã chứa đựng những nội dung của GATS, chỉ khác nhau về thời điểm hiệu lực.

Theo VN-US BTA, các cam kết mở cửa dịch vụ ngân hàng được thực hiện theo lộ trình 9 năm trước khi mọi hạn chế đối với các ngân hàng thương mại Mỹ được bãi bỏ. Từ thời điểm tháng 12/2010, các ngân hàng thương mại Mỹ có thể thành lập các ngân hàng con 100% vốn và hoạt động trên tất cả các mặt nghiệp vụ tại thị trường Việt Nam.

Trong khoảng thời gian 9 năm từ năm 2001, các nhà cung cấp dịch vụ tài chính Mỹ được phép cung cấp 12 phân ngành dịch vụ ngân hàng theo lộ trình 7 mốc. Theo lộ trình này, Việt Nam phải loại bỏ dần những hạn chế đối với các ngân hàng thương mại Mỹ, cho phép họ được tham gia với mức độ tăng dần vào mọi hoạt động ngân hàng trên thị trường. Có nhiều loại hình dịch vụ trùng với lĩnh vực hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam như thanh toán quốc tế, đầu tư dự án, tài trợ thương mại. Ngoài ra là hàng loạt các nghiệp vụ ở mức phát triển cao hiện các ngân hàng thương mại Việt Nam chưa thực hiện như môi giới tiền tệ, kinh doanh các sản phẩm phái sinh, tư vấn sáp nhập, mua lại... Nhìn chung các ngân hàng thương mại Mỹ có ưu thế về công nghệ và trình độ quản lý hơn hẳn các ngân hàng thương mại Việt Nam. Sức ép cạnh tranh đối với các ngân hàng thương mại trong nước sẽ tăng lên cùng với việc nới lỏng các quy định về hoạt động của các ngân hàng thương mại Mỹ, nhất là những ràng buộc được coi là hàng rào bảo hộ hiện nay như hạn chế về nhận tiền gửi VND, phát thẻ tín dụng và

dịch vụ ATM. Thị phần của các ngân hàng thương mại trong nước sẽ giảm dần, nhất là tại những thành phố lớn, khu đông dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất... Ngoài ra, sức ép cạnh tranh lên hệ thống ngân hàng thương mại trong nước sẽ tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu sau:

- Thị trường tín dụng (kể cả bán lẻ và bán buôn). Cạnh tranh về cho vay sẽ trở nên gay gắt hơn khi các ngân hàng nước ngoài đã hiểu rõ thị trường Việt Nam và môi trường pháp lý bảo đảm cho họ xử lý rủi ro để thu hồi nợ trong trường hợp cần thiết. Trong đó, việc cho phép các ngân hàng nước ngoài tham gia tái cấp vốn, tái chiết khấu, thực hiện giao dịch SWAP, FORWARD từ ngân hàng trung ương sẽ giúp các ngân hàng này bù đắp một phần vốn huy động VND còn bị hạn chế theo lộ trình;

- Dịch vụ thanh toán và chuyển tiền. Đây là lĩnh vực có ưu thế tuyệt đối về công nghệ, vốn đầu tư của các ngân hàng thương mại nước ngoài.

- Dịch vụ tư vấn, môi giới kinh doanh tiền tệ, hỗ trợ phát triển và phục hồi doanh nghiệp. Đây là lĩnh vực các ngân hàng thương mại nước ngoài có thế mạnh về kinh nghiệm và trình độ chuyên môn so với ngân hàng thương mại Việt Nam.

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của ngành tài chính ngân hàng Việt Nam đã mở ra nhiều cơ hội cho hệ thống ngân hàng thương mại nước ta: Thị trường phát triển và đưa ra các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đa dạng hơn, tiện ích hơn, hoạt động an toàn hơn, hiệu quả hơn; Cơ cấu lại khách hàng, nâng cao chất lượng danh mục tài sản; Tiếp nhận công nghệ ngân

hàng tiên tiến nhất cùng với kinh nghiệm quản lý từ bên ngoài; Nâng cao năng lực tài chính từ các nguồn nhà nước, nhà đầu tư trong nước và từ nước ngoài, nâng cao kỹ năng quản lý kinh doanh thông qua việc hình thành đồng bộ các định chế và kiểm soát rủi ro, tổ chức lại...; Chuyển sang hoạt động theo nguyên tắc thương mại thật sự, tự do hoá, tách bạch tín dụng chính sách và tín dụng thương mại; Tự quyết định trong cho vay, giảm bớt cho vay theo chỉ định của Chính phủ; phân loại nợ, đánh giá rủi ro theo nguyên tắc thị trường; Tỷ giá và lãi suất được tự do hoá; Chính sách tiền tệ đang được cải cách theo hướng sử dụng các công cụ gián tiếp; Khu vực ngân hàng cũng đang được mở cửa hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài tham gia.

Cùng với những cơ hội tạo điều kiện cho phát triển nói trên, ngành ngân hàng Việt Nam còn phải đứng trước không ít thách thức trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Đó là thị phần kinh doanh của các ngân hàng thương mại trong nước đứng trước nguy cơ bị thu hẹp; mất khách hàng tốt do chịu sự cạnh tranh từ các ngân hàng thương mại nước ngoài vượt trội hơn hẳn cả về vốn, công nghệ và trình độ quản lý. Đó là thị trường lao động ngày càng dẫn đến nguy cơ tụt hậu về trình độ cán bộ làm việc trong các ngân hàng thương mại Việt Nam. Đó là tình trạng nền kinh tế còn nhiều yếu kém, thị trường tài chính kém phát triển; các yếu tố kinh tế vĩ mô chưa thật sự bền vững và còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định. Thu nhập bình quân đầu người thấp, năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh của khách hàng vay vốn ngân hàng không cao, do rủi ro không

trả được với nợ mức độ lớn của khách hàng luôn thường trực đối với hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam.

3. Định hướng chung phát triển ngành ngân hàng Việt Nam tới 2010 và tầm nhìn 2020

Việt Nam đã xác định một số nội dung cơ bản trong chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam, bao gồm cả chiến lược phát triển ngân hàng nhà nước và chiến lược phát triển các ngân hàng thương mại Việt Nam. Đó là:

- Cải cách và phát triển hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam theo hướng hiện đại, đa năng, đạt trình độ trung bình tiên tiến trong khu vực với cấu trúc đa dạng về sở hữu, loại hình ngân hàng thương mại thuộc các thành phần kinh tế, có quy mô hoạt động lớn, tài chính lành mạnh và có khả năng cạnh tranh với các ngân hàng trong khu vực.

- Phát triển hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc dựa trên công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến, áp dụng thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng thương mại với chất lượng cao và mạng lưới phân phối phát triển hợp lý nhằm cung ứng đầy đủ, kịp thời, thuận tiện các dịch vụ, tiện ích ngân hàng cho nền kinh tế. Hình thành thị trường tín dụng cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các loại hình tổ chức tín dụng, tạo cơ hội cho mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu và khả năng làm ăn hợp pháp và có đủ điều kiện trả nợ ngân hàng đều được tiếp cận với tín dụng một cách thuận lợi.

- Cổ phần hoá các ngân hàng thương mại nhà nước gắn liền với tăng vốn tự có, thực hiện tỷ lệ an toàn vốn

theo thông lệ quốc tế (Hiệp định Basel), mở rộng quy mô hoạt động, hiện đại hoá công nghệ và nâng cao trình độ quản lý kinh doanh.

- Củng cố và phát triển hệ thống ngân hàng thương mại cổ phần theo hướng tăng cường năng lực tài chính và quản lý; tiến hành giải thể, sáp nhập, mua lại, hợp nhất các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém về hiệu quả.

Phương châm hành động của các ngân hàng thương mại là An toàn - Hiệu quả - Phát triển bền vững - Hội nhập quốc tế.

4. Áp dụng các chuẩn mực quốc tế (Hiệp định Basel II) vào hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại Việt Nam

- Tăng cường năng lực thể chế, cơ cấu lại mô hình tổ chức và hoạt động theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế.

Sắp xếp lại mô hình tổ chức bộ máy của các ngân hàng thương mại nhà nước từ trung ương đến chi nhánh theo hướng hiệu quả, phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ, chiến lược kinh doanh của ngân hàng. Chuyển mô hình tổ chức theo chức năng và địa giới hành chính sang mô hình tổ chức theo nhóm khách hàng kết hợp với nhóm dịch vụ.

Đổi mới bộ máy ở hội sở chính phù hợp với thông lệ quốc tế: phân biệt rõ ràng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, theo hướng: Hội đồng quản trị là cơ quan thường trực có quyền lực quan trọng nhất, có thực quyền đại diện chủ sở hữu của ngân hàng, có nhiệm vụ giám sát toàn diện hoạt động ngân hàng và Ban điều hành, đồng thời chịu

rủi ro cuối cùng về hoạt động của ngân hàng. Thành lập Hội đồng hoặc Ủy ban quản lý rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị.

Xây dựng chiến lược kinh doanh theo chuẩn mực quốc tế, bao gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược tài chính và chiến lược thị trường. Nâng cao năng lực quản trị chiến lược của bộ máy lãnh đạo các ngân hàng thương mại.

Đa dạng hoá sản phẩm, dịch vụ ngân hàng gắn với nâng cao chất lượng và tiện ích của sản phẩm, dịch vụ ngân hàng phù hợp với nhu cầu của khách hàng. Tập trung phát triển và nâng cao chất lượng các sản phẩm huy động vốn, tín dụng và dịch vụ phi tín dụng. Hạn chế tập trung rủi ro vào hoạt động tín dụng trên cơ sở đa dạng hoá hoạt động và sản phẩm, dịch vụ. Đẩy mạnh phát triển sản phẩm mới trên cơ sở công nghệ tiên tiến.

Chuẩn hoá các quy trình, thủ tục quản lý và tác nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại, tự động hoá và tích hợp tập trung.

Mở rộng quy mô hoạt động đi đôi với tăng cường năng lực kiểm tra, quản lý rủi ro, bảo đảm an toàn và hiệu quả kinh doanh. Phát triển hệ thống thông tin tập trung và quản lý rủi ro độc lập, tập trung toàn hệ thống để tăng cường vai trò điều hành kinh doanh, kiểm soát và quản lý rủi ro của Hội sở chính các ngân hàng thương mại. Tách bạch hoạt động quản lý rủi ro với hoạt động giao dịch, kinh doanh của ngân hàng. Phát triển các hệ thống vững chắc: Quản lý rủi ro, Quản lý tín dụng, Quản lý tài sản, Quản lý tài chính - kế toán và chi tiêu nội bộ, Quản lý nhân lực, Quản lý thanh toán và bù trừ, Quản lý công nghệ, Quản lý

chiến lược kinh doanh, Hệ thống thông tin quản lý nội bộ (MIS), Ban Quản lý tài sản, Hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ.

- Tăng cường năng lực tài chính.

Tăng vốn tự có của các ngân hàng thương mại bằng lợi nhuận để lại; phát hành cổ phiếu, trái phiếu; sáp nhập; hợp nhất; mua lại. Bảo đảm duy trì vốn tự có của các tổ chức tín dụng phù hợp với quy mô tài sản có và mức độ rủi ro của tài sản trên cơ sở thực hiện tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn tối thiểu 8%.

Nâng cao chất lượng tài sản có và khả năng sinh lời; giảm tỷ trọng tài sản có rủi ro trong tổng tài sản có. Xử lý dứt điểm nợ tồn đọng và làm sạch bảng cân đối của các ngân hàng thương mại. Xây dựng cơ chế ngăn ngừa, phát hiện sớm và quy trình xử lý nợ xấu.

- Nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong cả xử lý giao dịch lẫn quản lý, điều hành.

Thực hiện hiện đại hoá hệ thống công nghệ ngân hàng theo những bước đi tuần tự kết hợp nhảy vọt, đi thẳng vào công nghệ ngân hàng hiện đại.

Tiếp cận nhanh, vận hành có hiệu quả và làm chủ được các ứng dụng công nghệ ngân hàng tiên tiến trong lĩnh vực thanh toán, quản trị rủi ro, quản trị kinh doanh, phát triển dịch vụ ngân hàng, kế toán - tài chính, thanh tra - giám sát và các nghiệp vụ ngân hàng cơ bản.

Tìm kiếm các nguồn tài chính hỗ trợ dài hạn giúp các ngân hàng thương mại hiện đại hoá công nghệ ngân hàng trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông và kỹ thuật số để

nâng cao mức độ tự động hoá và tiện ích các dịch vụ ngân hàng. Phát triển hệ thống giao dịch tự động, mạng kết nối trực tuyến, giao dịch một cửa.

Về chính thức, Chính phủ Việt Nam chưa tuyên bố sẽ áp dụng Hiệp định Basel II. Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện đang thực hiện nghiên cứu cụ thể, chi tiết các nội dung trong Hiệp định Basel II, trên cơ sở đó trình Chính phủ một lộ trình áp dụng từng bước, từng nội dung có chọn lọc, phù hợp với trình độ phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. *Báo cáo kính gửi Ban Kinh tế Trung ương về các yếu tố và cơ chế tạo khả năng thích ứng các ngành ngân hàng Việt Nam khi gia nhập WTO*. H.: 2005.
2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. *Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2005 và phương hướng nhiệm vụ năm 2006*. H.: 2006.
3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. *Báo cáo thường niên Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2004*. H.: 2005.
4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. *Kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế của ngành ngân hàng Việt Nam*, Quyết định 663/QĐ-NHNN ngày 26-6-2003, Hà Nội, 2003.
5. Nguyễn Thị Quy. Năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại trong xu thế hội nhập. H.: Lý luận chính trị, 2005.
6. Nguyễn Văn Tiến. *Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng*. H.: Thống kê, 2005.
7. David Cox. *Nghiệp vụ ngân hàng hiện đại*. H.: Chính trị quốc gia, 1997.
8. Peter S.Rose. *Quản trị ngân hàng thương mại*. Đại học Kinh tế quốc dân. H.: Tài chính, 2001.
9. Edward W. Reed. *Ngân hàng thương mại*. H.: Thống kê, 2004.
10. Basel Committee on Banking Supervision: *The History of the Basel Committee and its Memberships*. Basel, 2005.
11. Basel Committee on Banking Supervision: *International Convergence of Capital Measurement and Capital Standards, A Revised Framework*. Basel, 2004.
12. Basel Committee on Banking Supervision: *Principles for Credit Risk Management*. Basel, 2000.
13. Basel Committee on Banking Supervision: *Implementation of the new capital adequacy framework in non-Basel Committee member countries*. Basel, 2004.
14. www.vnexpress.net
15. www.vneconomy.com.vn
16. www.sbv.gov.vn
17. www.mof.gov.vn
18. www.bai.org